

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung giá đất vào Bảng giá đất định kỳ  
05 năm (2015- 2019) trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*  
*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Bổ sung giá đất vào Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Kon Tum, ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X;*

*Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 537/TTr-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2017,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung giá đất vào Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2015- 2019) trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, tại các khu vực sau:

1. Giá đất ở đô thị tại Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, Phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum.

2. Giá đất ở nông thôn đoạn Quốc lộ 24 mới tại xã Đăk Blá, thành phố Kon Tum.

*(chi tiết có phụ lục Bảng giá đất bổ sung kèm theo).*

3. Điều chỉnh tên đoạn đường của Quốc lộ 24 cũ, đoạn qua xã Đăk Bla, thành phố Kon Tum tại mục III của Bảng giá đất ở tại nông thôn; giá đất thương mại dịch vụ và giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn, ban hành kèm theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Kon Tum như sau: “*từ cầu Đăk Kơ Wet-Hết thôn Kon Rơ Lang*” thành “*từ giáp Quốc lộ 24 mới - Hết thôn Kon Rơ Lang*”.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL).
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- TT HĐND, UBND thành phố Kon Tum;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài PT TH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Chi cục VT- Lưu trữ tỉnh;
- Công TT điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hòa**



**PHỤ LỤC**

**BỔ SUNG GIÁ ĐẤT VÀO BẢNG GIÁ ĐẤT ĐỊNH KỲ  
5 NĂM (2015-2019) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

(kèm theo Quyết định số 60 /2017/QĐ-UBND ngày 20 /12/2017 của UBND tỉnh)

DVT: 1.000 Đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tên đơn vị hành chính		Đơn giá
<b>1</b>	<b>Đất ở đô thị</b>		
	<b>Giá đất khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, thành phố Kon Tum</b>		
1	Khu tái định cư 1	Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (2-2)	3.066
		Mặt cắt (2-2) lô góc	3.066
2	Khu tái định cư 2	Mặt cắt (6-6)	2.539
3	Khu tái định cư 3	Mặt cắt (2-2)	3.066
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (2-2) lô góc	3.066
4	Khu tái định cư 4	Mặt cắt (2-2)	3.066
5	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 1)	Mặt cắt (7-7)	2.673
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (7-7) lô góc	2.940
6	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 2)	Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (7-7)	2.673
		Mặt cắt (2-2) lô góc	4.307
7	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 3)	Mặt cắt (2-2)	3.915
		Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (2-2) lô góc	4.307
		Mặt cắt (2-2)	3.915
		Mặt cắt (7-7)	2.673
8	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 4)	Mặt cắt (7-7) lô góc	2.940
		Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (2-2) lô góc	4.307
		Mặt cắt (2-2)	3.915
9	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 5)	Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (2-2) lô góc	4.307
		Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (3-3)	3.066
10	Khu biệt thự lô phố	Mặt cắt (2-2)	3.915
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373



9

	(Biệt thự 6)	Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (2-2) lô góc	4.307
		Mặt cắt (2-2)	3.915
		Mặt cắt (3-3)	3.066
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
11	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 7)	Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (3-3)	3.066
		Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (10-10)	2.673
12	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 8)	Mặt cắt (3-3)	3.066
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (10-10)	2.673
13	Khu biệt thự lô phố (Biệt thự 9)	Mặt cắt (3-3)	3.066
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (7-7) lô góc	2.940
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (10-10)	2.673
		Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
14	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 1)	Mặt cắt (B-B) lô góc	4.307
		Mặt cắt (B-B)	3.915
		Mặt cắt (5-5) lô góc	2.793
		Mặt cắt (6-6)	2.539
15	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 2)	Mặt cắt (B-B) lô góc	4.307
		Mặt cắt (B-B)	3.915
		Mặt cắt (2-2) lô góc	4.307
		Mặt cắt (2-2)	3.915
		Mặt cắt (6-6)	2.412
		Mặt cắt (5-5) lô góc	2.793
16	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 3)	Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (3-3)	3.066
		Mặt cắt (2-2) lô góc	4.307
		Mặt cắt (2-2)	3.915
		Mặt cắt (6-6)	2.539
17	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 4)	Mặt cắt (2-2) lô góc	4.092
		Mặt cắt (2-2)	3.915
18	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 5)	Mặt cắt (5-5)	2.673
		Mặt cắt (A-A) lô góc	2.793
19	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 6)	Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (10-10)	2.673
		Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (A-A) lô góc	2.940
		Mặt cắt (A-A)	2.673





20	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 7)	Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (10-10)	2.673
		Mặt cắt (A-A) lô góc	2.940
		Mặt cắt (A-A)	2.673
21	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 8)	Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (10-10)	2.673
		Mặt cắt (7-7) lô góc	2.940
		Mặt cắt (5-5)	2.673
22	Khu biệt thự cao cấp (Biệt thự cao cấp 9)	Mặt cắt (B-B) lô góc	4.307
		Mặt cắt (B-B)	3.915
23	Khu nhà ở xã hội	Đất xã hội	1.500
24	Đất ở nhà ghép hộ (ghép hộ 1)	Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (7-7) lô góc	2.940
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (3-3)	3.066
25	Đất ở nhà ghép hộ (ghép hộ 2)	Mặt cắt (5-5) lô góc	2.940
		Mặt cắt (6-6)	2.539
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (3-3)	3.066
26	Đất ở nhà ghép hộ (ghép hộ 3)	Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (7-7)	2.673
		Mặt cắt (4-4) lô góc	4.307
		Mặt cắt (5-5)	2.673
27	Đất ở nhà ghép hộ (ghép hộ 4)	Mặt cắt (11-11) lô góc	3.373
		Mặt cắt (9-9)	3.066
		Mặt cắt (5-5)	2.673
28	Đất ở nhà ghép hộ (ghép hộ 5)	Mặt cắt (9-9) lô góc	3.373
		Mặt cắt (7-7)	2.673
		Mặt cắt (3-3) lô góc	3.373
		Mặt cắt (5-5)	2.673
29	Đất ở nhà ghép hộ (ghép hộ 6)	Mặt cắt (A -A)	2.673
		Mặt cắt (11-11) lô góc	3.373
		Mặt cắt (11-11)	3.066
<b>II</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>		
	<b>Quốc lộ 24 mới tại xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum</b>		
	<b>Xã Đăk Blà</b>		
-	Từ cầu Đăk Kơ Wet - Hết thôn Kon Rơ Lang		380
-	Từ ranh giới thôn Kon Rơ Lang và thôn Kon Rê Plâng - Hết cầu đôi (cầu Đăk Rê)		230
-	Từ cầu đôi (cầu Đăk Rê) - Hết ranh giới xã Đăk Blà		130



4